TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2020
"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Tuấn

Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn Còn Háng, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Xuân Đán, xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nông Thị H trình bày:

Chị và anh Th kết hôn ngày 31/10/2008, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Ích. Sau khi kết hôn, chị và anh Th lên thị trấn Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn thuê nhà làm ăn; được hai năm thì chuyển về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh Th cho đến năm 2017 thì vợ chồng làm nhà trên đất của gia đình anh Th và ra ăn, ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì đã phát sinh mâu thuẫn chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở 4 tháng

sau thì anh Th lên xin lỗi chị và vợ chồng lại về đoàn tụ. Sau khi chị về chung sống thì vợ chồng vẫn thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh Th hay chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, chị có nói thì anh Th uống rượu say về chửi bới, đánh, đuổi chị có lần còn đánh cả bố, mẹ đẻ anh và bố mẹ chị. Tháng 6/2019 chị bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên xin được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Thanh Tùng, sinh ngày 15/5/2009 và Nguyễn Bảo Nhi, sinh ngày 12/7/2015, hiện cháu Tùng đang ở với anh Th, cháu Nhi đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Th là bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập H lệ nhiều lần, nhưng anh đều cố tình vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã Đồng Ích và gia đình anh Th (ông Nguyễn Văn Tịnh là bố đẻ anh Th); hiện anh Th đi làm vắng nhà nhưng vẫn thỉnh thoảng về nhà tại thôn Xuân Đán, xã Đồng Ích. Các lần Tòa án báo gọi anh Th, Cơ quan Thừa phát lại đều giao thông báo, giấy triệu tập, thông báo hòa giải đến gia đình anh Th và gia đình đã thông báo cho anh Th, nhưng anh Th vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị H được ly hôn anh Th; giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và xác nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nông Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn và nuôi con chung". Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th có địa chỉ tại xã Đồng Ích, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập H lệ nhiều lần đối với anh Th nhưng anh Th cố tình vắng mặt không đến tòa. Tòa án đã tiến hành thông báo và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương nơi anh Th cư trú và giao cho gia đình anh Th, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Nông Thị H và anh Nguyễn Văn Th là cuộc hôn nhân H pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do anh Th mải chơi bời cờ, bạc từ đó dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Tháng 06/2019 chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân, anh Th có đến nhà bố, mẹ đẻ chị để hòa giải nhưng chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nên không về chung sống với anh Th nữa.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Th mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th cố tình vắng mặt không đến Toà án để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh Th không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị của chị H xin ly hôn anh Th là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của chị H về việc nuôi con chung thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị H và anh Th đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Tuy nhiên do hiện nay anh Th thường xuyên đi làm ăn xa ít có điều kiện chăm sóc con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung sau ly hôn nên chấp nhận đề nghị của chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và xác nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Th vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh, khi nào anh có mặt và yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức thì khởi kiện để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho chị Nông Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Tùng, sinh ngày 15/5/2009 và Nguyễn Bảo Nhi, sinh ngày 12/7/2015. Xác nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0007735 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Anh Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch
- THA Lập Thạch.
- UBND xã Đồng Ích
- Các đương sự
- Lưu hai bản.

Trần Hữu Lực